



V3

CA TRÙ THỂ CÁCH

歌 籌 體 格

VĂN NÔM

POÉSIE ANNAMITE

QUỐC ÂM THI TẬP

國 音 詩 集

RÚT TRONG CÁC XÁP VĂN CHƯƠNG

PAULUS CUA

Chevalier de la Légion d'honneur Officier de l'Instruction publique

Đốc-phủ-sứ



SAIGON

IMPRIMERIE COMMERCIALE MARCELLIN REY

C. ARDIN, directeur.

1907



VN3

CA TRÙ THỂ CÁCH

歌 籌 體 格

VĂN NÔM

POÉSIE ANNAMITE

QUÂC ÂM THI TẬP

國 音 詩 集

RÚT TRONG CÁC XÁP VĂN CHƯƠNG

PAULUS CUA

Chevalier de la Légion d'honneur Officier de l'Instruction publique

Đốc-phủ-sĩ



SAIGON

IMPRIMERIE COMMERCIALE MARCELLIN REY

C. ARDIN, directeur.

1907

歌 籌 體 格

Cũng một tiếng nói, cũng một lời nói, mà có kẻ nói hay, sắp đặt có phép thì ai nấy đều gọi là văn hay. Số là ai nấy đều có một lòng, đều có một trí ý, thấy lời nói nhẹ nhàng khôn khéo, đều chịu là hay, chẳng khác thấy mùi ngon mà không chê vậy.

Ta thấy có nhiều bài văn nôm, như : *ca-trù, văn-tế, thơ ngũ-ngôn, bát-cú*, của các tay văn chương làm ra, ta lấy làm hay, ta muốn in ra cho ai nấy xem chơi, cho biết tiếng mẹ đẻ cũng có điệu hay, chẳng đợi chữ nôm mới có văn-chương.

Bình nhứt ta hỏi về sự lấy của người làm của mình, hoặc lượm lặt đồ cũ lấy ý riêng mà canh cải, nhứt là sợ tam sao thất bản, lạc ý kẻ làm văn.

Nhưng vậy lấy sự ta gọi là hay mà cho ai nấy nếm chung, thì cũng là đều ta có ý chung cùng với mọi người.

CA TRÙ

Ông Lưu-Bị đồn binh Tiểu-bái, thưở còn đương tướng quả
binh vi. Ngộ Kỳ-linh thập vạn hùng sư, tri khu chiếm bên thành
hạ trại. Lữ-phụng-công dùng mưu hòa giải, phân lương chi xa
kích viên-môn. Cung khai như du nguyệt hành thiên, tiền phát
lợ lưu tinh lạc địa. Tay cầm dắc Kỳ-linh, Lưu-bị, khuyên lương
gia tương giải binh nhung. So trong Tam-quốc anh hùng.

Trận Xích-bích, Tôn, Lưu hiệp lực, ông Không-minh dùng
chước hô phong. Thất-tinh đàn huân nhiều tam trùng, châu vi rộng
hai mươi bốn trượng. Họa giác, cang, đầu, ngư chi tượng, ngọn
cờ bay trắng đỏ xanh vàng. Bày bửu kiếm giá trường can, sanh
kỳ dữ qua mâu tê nhứt. Đùng đùng nổi đông phong gió dật, ngọn
cờ bay phới phới đàn tiến. Thiệt là tài vi địa kinh thiên.

Đức Thánh-quan Hạ-bì thưở nọ, thầy Trương-liêu ra dụ hán
Tào. Đức Thánh-quan rằng có lời giao, Tào có khứng để cho ta
nghĩ: Một là đừng lán la nơi đôi chị; Hai là ta hán Hồn bát hán
Tào; Ba là nghe ông Huyền-đức ở nơi nao, dầu ngàn dặm cũng
tìm cho biết. Lời gặng vó đình ninh chí quyết, chàng nghe ta, ta
cũng dứt xông. So trong Tam-quốc anh hùng.

Ông Châu-công thiệt là tài đại thánh, khi châu hầu lưu phụ
Thành-vương. Phải lời gièm đã bợn đuôi lang, chiếc tích lại dạo
miền Đông-thỏ. Cây đã có lòng trời tây cô, mười lăm năm xiêm
áo thung dung. Mới biết rằng thiên đạo chí công, tâm trung cũng
động lòng nhự tử. Trận phong lời dở thơ thầy chữ, lại rước về
phò lập vương gia. Vì dẫu không trận phong ba, thiệt hư ai biết
trung tà ai hay.

Tào-tháo xưa gian hùng đệ nhứt, lập Huỳnh-thành hồ thị Giang-
đồng. Bàng-sì-Nguơn mưu kê tranh hùng, toan gặt Tháo liên huân
cho thiện chiến. Đông phong bắt dữ Châu-lang liên, Đông-tước
xuân thâm tỏa nhị kiêu. Chợt thấy tin thủy lâm diên thiêu, Châu-do

mới thừa phong phóng hỏa. Sông Xích-bích đùng đùng trận lửa, Tào-a-man liệt đóm tối can. Lòng trời dự kẻ khôn ngoan.

Tật phong hàn tuế phân kiên hủy, thời lãnh hồng mao đẳng trọng khinh ; khá khen người chông vững cô thành, vì ân nặng phải lấy mình làm nhẹ. Cơn sàng sốt thong dong tùy mặt thể, song cũng liêu tiệt đá với gan vàng, miếu Tam-trung nghi ngút khói nhang, dầu thơm đề làm gương thiên cổ. Nhơn sanh tự cỏ thủy vô tử, lưu đặc đơn tâm chiêu hạn thanh. Mượn lời xưa mà khuyên kẻ trung trinh, mắng thể đạo đã xây nên khí tiết ; cuộc trời đất mở nền Nam-việt, đem tánh danh mà sánh với sắt son ; nam nhi cuộc đã vuông tròn.

Trương-lưu-hầu là người Hàn công tử, nội năm đời chung đình nước Hàn ; tới chừng khi quốc bộ gian nan, niềm ưu ái chăm bể báo phục. Cơn xông đụt biết mấy lần gai gộc, tới Trần-lưu xảy gặp Lưu quân ; năm năm ba tác lưởi kinh luân, màn thao lược vì Tân khồn Hạng. Ôn Hán nợ Hàn trả vẹn, túi vương hầu treo gởi gánh Huỳnh-công ; một mình lui tới thung dung.

Triệu-tử-luông nhứt thân đồ thị đóm, trận Đương-dương thân bị trùng vi : thả hành thả chiến mã như phi, bảo Á-đầu thủ tri tam xích kiềm. Tứ diện Tào binh thù dữ Hán, trận tiền hà xứ thị ngô quân : trước Hạ-hầu-đôn sau Hạ-hầu-ân, một mình xông tên đụt pháo bảy nhiều lần, bảy mươi ba trận giao phong chẳng vướng. Tào lừng lẫy năm mươi bốn tướng, lung lảng về một mũi nhi đồng, cớ Thường-sơn ông Triệu-tử-luông, nhứt nhơn địch vạn, quân trung tướng tài ; lắm trai đã đáng nên trai.

Triều-lê-quí có bà liệt tiệt, mười chín thu giữ một niềm tấy, đam tàn dung mà nương chôn am mây, đạo thần tử tình trong phu phụ. Vạn cổ gi luân chiêu vô trụ, nhứt tâm trung nghĩa đôi quân vương : lòng khẳng khăng trải tâm thiết cang, chén tân khổ ngọt ngon mùi chánh khí ; đã nên đứng trung thần bất nhị, lại khác bề liệt nữ bất canh ! vững bền hai chữ trung trinh.

Ba vạn sáu ngàn ngày là mây, cảnh phù du trông thấy khéo buồn cười ; thói công dâu chác lầy sự đời, tiêu khiển mượn một vài chung lêu láo. Văn tông nhứt sanh dy hữu tửu, tâm tư bách kê bắt như nhàn ; dưới giậu thừa thập thoàng bóng nam san, ngảnh mặt lại cữu huờn xem cũng nhỏ, xáo trời đất cô kiêm kiêm cỏ, mảnh hình hài không có có không ; lựa là thiên tứ vạn chung.

Nhứt đái Nhi-hà thiên cở nguyệt, ngọn đông lưu xây mây cuộc tang thương. Ngấn ngơ thay người hoài cở kẻ tư hương, nhăm thành thị lại trông miền thôn ừ. Hiu gió mát thuở lạc hà cô vụ, nhẩn tin đưa chiếu thu thủy trường thiên. Nhứt thỉnh Trâu địch cữu sơn xuyên, cảnh sao khéo tách tình chi bấy tả : thuyền ai chạt bên gành tợ lá, trở gió lò mát mẽ ngư ông, khác chẳng Xích-bích tranh hùng, mơ màng bóng nguyệt, lạnh lũng như xưa.

Bắc nam duy sở mạng, trải mười lăm năm vui thú Lam quan ; lũ kiên ong mây lúc hiệp tan, cơn sóng gió ra tay buồm lái vững. Con tạo ghét ghen chi bấy dừng, ạch hùng gặp gỡ những làm sao ; hội phong vân tri cô biệt đường bao, mình phút bỗng đành rằng nông nổi thê. Hồi thơ kiêm mấy còn linh chẳng nhẹ, nợ tang bồng trả đặng lúc nầy chẳng ; đô ai sửa lệch cho bằng.

So tài tình Túy-kiều đệ nhứt ; tuyệt thanh minh ra tảo mộ huỳnh tuyến ; bán tà dương viêng mã Đạm-tiên, dung vó kỷ xầy gặp chàng Kim-trọng. Năm canh trường giác hờn thân mộng, sô cô còn nhiều lúc phong ba ; chợt tỉnh mê nghĩ nghị gần xa, năm canh những ừ ề chịu liễu yêu. Đoạn trường mộng lý căn duyên liễu, bạc mạng cảm chung oán hận trường ; đóa xuân hoa xầy gặp cuộc tang thương, kiếp má phân đề nên mình lưu lạc. Gấm duyên sô mười lăm năm chích mát, phận hồng nhan nhiều nỗi gian truân ; Tiên đường ai khéo tạo nhân.

Nhơn sanh thiên địa nhứt nghịch lữ ; có bao nhiêu ba vạn sáu ngàn ngày : như thoi đưa, như bóng cửa, như tác tay ; sức nhớ chữ cở nhưn bình chúc, cao sơn lưu thủy thi thiên trực, mình

nguyệt thanh phong tửu nhứt thuyền, người tài tử khách thần tiên ; chén rượu thánh câu thi thần thích chí. Giang san ấy mà thành thị ấy, đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa ; bốn mùa xuân lại thu qua.

Ba vạn sáu ngàn ngày thắm thoát, từ mọc răng cho đến thuở bạc đầu, cái nhục vinh góp lại chứa bao lâu, ngổn thờ nhăm thợ trời nên khéo quá ; núi tự tại cứ sao sông bất xá ; chim thì lông, huê thì kiên ; khéo công đầu thừa trừ, từ ngàn trước nhần ngàn sau, kiệt cuộc mỗi người riêng mỗi kiếp. Nhập thế cuộc bất khả vô công nghiệp, xuất mẫu hoài tiện thị hữu quân thân ; mà chữ danh liền với chữ thân, thân đã có ắt danh ầu phải có. Này phút chúc kiem rồi lại cò, có hện chi xưa chẳng bằng nay ; râu mày kia hỡi râu mày.

Chẳng lưu lạc sao trái mũi dương thế, giữa trần ai khôn rõ mặt công hầu ; ngật ngưỡng thay con tạo hóa khéo cơ cầu, nhập nháng lại then cho lúng túng. Thân bệ tang bông chung hữu dụng, nhơn sanh hào kiệt nhứt vô ưu ; hay gìn lòng đừng mảy chút oán vu, thì vị chí ngư long biến hóa ; ấy mới biết cùng thông là nghĩa cả, cũng đừng đem hình dịch ngoại cầu chi. Khác nhau chẳng có một chữ thị, thiếu chi kỳ ngộ, thiếu gì lương duyên ; linh đài một tâm tự nhiên.

Trái non nước xa trông ban tịch chiều, bức phong vân ai khéo vẽ vờ : dưới kim ô con bạch nhận bóng lồi thoi ; dòng bích lãng tiếng ngư ông ca dắng dỏi. Đâu lâm điều sần tả dương ngoại, thừa tịch ngư ca cổ độ đầu, gió trăng thanh xình xoảng rượu lưng bầu ; non nước biếc bẻ bai cầm mây khúc. Nhàn dùng đỉnh xình xang cây gậy trúc, giục thằng đồng xách túi càn khôn ; thanh thời trong cõi trần huân.

Minh quân lương tề tao phùng dị, tài tử giai nhơn tề ngộ nan ; so tài tình nhứt phẩm trần gian, chàng Kim với nàng Kiều thuở nọ. Thương ôi nhẻ mảnh mảnh tơ đỏ, mười lăm năm đôi ngả sấm thương, người ngán ngơ nơi kim mã ngọc đường, kẻ ngao ngáng bước lầu xanh má phấn. Quân hữu hạp trung kính, thiếp hữu cảm thượng huyền, sáu phôi pha khi ngọn nước sông Tiền,

duyên lạnh lẽo buổi ong già huê rụng ; tơ Nguyệt lão xe nào có
vụng, thử treo gương cho tài tử giai nhân ; sắc tài ai kẻ cảm can.

Tiếc những đứng văn nhưn tài tử, trót đa mang vì một chữ
tình ; nghĩ nguồn cơn thẹn với ông trời xanh, tưởng nông nổi
giận cùng vầng trăng bạc. Tương thức nhưt thỉnh song lụy lạc,
khả lân bán điểm nét châu huyền ; trách vì phận giận vì duyên,
duyên phận những theo tình nên nông nổi ; dầu dạ sắt gan vàng
cũng rồi, thất ruột tâm bồi rồi càng đau ; tương tư nấy ai để cho
nhau.

CA TRÚ CỎ THƠ

Bút hoa thảo văn tiên một bức, gởi đưa người tri thức đặng
hay : gấm từ gặp khách đàng mây, ước chừng cung quê xe dây
xích thành. Khúc Giang lăng cong lòng cạnh cạnh, rắp tìm mai
Thửu lãnh canh ba ; nguyệt năm canh diên khách hằng nga, thi
một lúc nhớ người hoài viễn : vườn lan uyển nhụy đào phong
kiên, thơ gởi chim còn nê lòng chim ; gành ngân giang sứ điệp
cách trông, thơ nhắn cá còn e dạ cá, có thơ rằng :

Nỗi niềm can có bởi vì ai.

Chích bóng gương loan lược biêng cái,

Đằng đằng một năm dài đặc đặc,

Thâu tình chẳng hỏi khách chương dài.

CA TRÚ PHÚ CÁCH

Nhớ thuở Vĩnh-bình có chàng Lưu, Nguyễn ; hai gã đồng tâm
đồng điệu, một đoàn phi Thích phi Nho ; trên đời thừa thốt mây
go, an lạc xóm lâm tuyền một góc : ngoài cõi thừa ưá hóng mát,
thanh quang gành phong nguyệt đôi phượng. Người Hi Hoàng bỏ
khước nổi ngày nhân, sự Nghiêu Thuần rửa tai dòng nước chảy.
An ngọc tụng pho thanh giản, vượn tới nghe kinh ; lỗ vàng luyện
bánh linh đơn, hạc bay lánh khói. Thân thể đã xa mùi tục lụy,
tinh thần như tới chôn huyền hư ; gặp ngày đoan ngũ tiết lành,
giăng tay cùng hái thuốc ; vào chôn thiên thai non thắm, lỗ gót
bồng quên đàng ; nếm quả đào đòi bữa dạ mê man, ngậm trái
núi lại nhẹ mình thoát thoát. Ren rồi sương vầng mây bạc, canh gà

đầu nghe phượng phát dạ trời, dần dà cội bích ngàn nhơn, vừng ô nọ nổi linh đình mặt nước; vịnh mây tiêng cội ngành chịu lẳng lú, chực đòi nàng cửa động đứng song song, chịu dương liễu thiết tha, đón rước nổi mắng mắng, then then; dạng phù dung tươi tốt, mắng rỡ bề bề, quen quen. Ba sanh sao khéo hèn hò, một phút xảy nên lẳng lú.

PHÚ VƯƠNG LĂNG.

Trời nam vặc vặc, nguyệt dải lâu lâu, bể đông nam kinh ngạc khâu đầu, rừng tây bắc sải lang giầu vút. Nền vương bá vững an rường cột, nhà thôn dân chặt đóng chốt then. Sĩ chăm chăm kinh thánh truyện hiền, nông cày cày cày mây cuộc gió. Nhớ xưa tích cũ, Hồn Vương-lăng người đất Bái-trung, gặp phải thì Hán-Sở tranh hùng, Lăng chỉ độc một lòng thờ Hán.

BÀ GI THỨC TÊ THƠ.

Danh chàng tham, mà lợi chàng mê,
Ây gan hay sát hỡi Gi, Té.
Gặp xe vua Võ tay cầm lại.
Thầy thóc nhà Châu mặt ngành đi.
Cò-trước hôn về sương mịt mịt,
Thú-dương danh để đá tri tri.
Cầu nhơn chi đặc nhơn mà chớ,
Chàng oán ai ai lại oán chi.

HẠT ĐẠI THẠCH.

Ngọc từ nghe tiêng vãn vi, thốt thôi lại nổi bàn mi sự tình; hội này lững lầy dưới trên, vui này gặp hội thiên duyên dấu lòng; ngọn cờ đánh núi xa trông, no nao lan quẻ hiệp cùng trước mai; trách thay ô thước nở hoài, có chi sao bỗng lạc lải chôn tiên.

HẠT HÀM CÁCH.

Tiêu xuân ngành lại trông xuân, thương ôi bóng đã vãn vãn xê chiều; linh đình duyên nợ phận bèo, tròn làm sao khỏi nước

triều nước vơi. Lâm thâm sù với trên không, khứng rằng tương ngộ tương phùng cõi xa. Ngẩn ngơ đứng gốc mai già, hỏi thăm ông Nguyệt có nhà hay không.

Đêm qua chớp bể mưa nguồn, hỏi người tri thức có buồn cùng chăng. Ngọn đèn tàn thấp thoáng bóng trăng, ai đem người ngọc xung xăng chôn nây. Lộ đồ điều viễn xa xuôi, thuyền tình chờ một mình tôi nặng gùi. Tuyết sương rụng lá từ bi, hằng nga lảng đảng chọn đi ngập ngừng.

Nước hồ tây lẻo lẻo như gương, tóc mây biêng chải mặt đường bẽ bai; thân thơ đứng dựa gốc mai, bụng tôi tôi biết, bụng ai tôi nhăm. Chánh phong hai chục năm thiên; Châu nam mười một, vôn truyền nẻo xưa; Hậu phi có đức quan thư, gia nhơn mắng thây hứng thừa ngời khen.

PHAN VINH CÁCH.

Vân vân sức nhớ sự tình, hieu đòi mây nước rập rình nên quen; cơn thảo muội anh hùng mới tỏ, đất Bồ-châu đâu có vì nhơn.

Gió nam phong thổi động lá ngô, nghĩ non nước càng thêm buồn bà; sóng gập ghình mượn cơn gió cả, nhận lơ thơ cách ánh mây tuôn. Tới Vô-lăng đón hỏi chàng ngư, cảnh đảo nguyên hầy còn bao nã, một con thuyền tiêu đưa đôi ba ngã, biết rằng đâu biển ái nguồn ân, sông ngò sóng dậy tang báng.

Kìa ai chôn Long-trung cao ngọ, chẳng là người quê ở Lang gia: lêu bạch mao đảng hầy còn xa, bản bạc chia ba rông thiên hạ. Lưu-Huyền-đức ba phen uông gia, hủy kỳ thân hứa dữ trì khu; lên tây sơn lấy bức họa đồ, cầm nang mới bày sang Ngô thị. Độc kê tuyết phò suy chi chí, bát trận đồ danh đề tạc bia, ây ông Gia-các khôn bì.

Xem Quốc-sắc-thiên hương thiết lục, đứng sĩ nhơ có người Võ-kì-sanh: đao kia trận, bút kia thành, hảo huê khí hai vùng

tình đầu. Niềm xuân sắc ân cần nhứt mao ; thầy Châu-sanh mừng rỡ tương tư, nức mùi xạ bén hương đưa, trông mây tỏ sự tình khê khoát : thanh giang mặc trắc vô tâm nguyệt, xuân hạn lưu liên đặc ý nhờn. Chàng Sanh từ chiêm băng xuân, vinh qui bái tổ, động loan phòng quê hộ, ấy mới biết thiên duyên kỳ ngộ, dầu gì hue gì thủy mã chi, đành thay quân tử cập thì.

Tật phong tri kính thảo, bản đăng thức thành thân. So cò kiêm mây đứng trung quân, âu chưa dễ Trần-canh họ Lý : thung dung tựu nghĩa ư điền phái lưu lý chi tê ; rắp ghé vai sửa lệch phò nghiêng ; tuy nhờn mưu mạc thắng hồ thiên, phải tựu nghĩa cho đành lòng thần tiết. Trung hiệu nhẹ phò đồng nhứt nguyệt, chữ cang thường vạn cò lưu danh ; Nam-san họ Lý trần canh.

CÁCH HÁT VINH

Khá khen ông Lữ-vọng, chôn thạch bản tuổi tác riêng ngồi : chỉ một cân vuôi bóng trăng khôi, eá Vị-thủy luông trông mối thao lược. Bồng chóc thầy năm mây dưới nước, bóng xe loan kẻ rước bên sông. Hội long vân ngư thủy lạc đồng, thỏa nhứt trận anh hùng cân trước ; khắp bốn bề xa gần trong trước, tuổi tám mươi đành túc thừa quân, ra tay sửa túi kinh luân.

Chôn Na-sơn tiêu phu nưong ngũ, ngày ngày ra hoán tửu diệc tân, chôn yên hà vui thú dưỡng thân, kho phong nguyệt vôn hằng lưu loát. Khi nghỉ ngơi ngồi chơi hóng mát, bản bạc xem cò vãng kiêm lai, gò nhịp chơn miệng dăng ca thái, nghêu ngao thú lâm tuyên thông thả. Có chữ rằng : Nhiệm tha thành thị tha xa mã, tri trần bất đáo thử giang san, vân mịch mịch thủy san san, sĩ hữu chí nhiệm kỳ sở thích. Buồn thay nhẹ thú miền thôn tịch, sản nước khe gạo đôi cùi rừng, tánh quen cuộc gió cày trắng.

Lý-thái-Bạch tài ưu học sĩ, vua ban cho áo xư hữu tiến : từ nhứt đầu thi bách thiên, tài gồm cả cửu châu thiên bá, rống đáy nước chờ ngày biến hóa, băng vàng treo trên các đàn rành ; dạo bên màn thầy lù thơ sanh, ngâm nga lại cho câu cảm tú : dạ tịnh phát kham đề tuyệt cú, khủng kinh tinh đầu lạc giang hàn,

thì để thôi cát mái chèo ngang, lại về chôn tích lâm từ hạ. Thơ sanh mới biết tài gồm lạ, so trong đời dễ mấy ai tày; chăm lặn trải gió năm mây.

Huỳnh-công-cái dùng khổ nhục kê, sai người Hám-trạch sang hiến tra hàn thơ, trót năm canh lương những đợi chờ, tam canh bán đồn binh thủy trại. Kẻ tuần du thấy thuyền bắt lại, để cho Tao cắt vắn gian hung. Tào nhen nhen diện bát cái dung, cường trung ngộ cường trung thù đoạn, ấy là chức hòa công nhà Hán, dùng kê ra tại đảng quân sư, chữ rằng thiện độc binh thơ.

Nhơn sanh quý thích chí, tu phú quí hà vi; nhi kỷ nhi từ nhi cảm nhi thi, thú lịch thú an bầu tự lạc; an phận thân vô nhục, tri cơ tâm tự nhàn; mặng vui chơi từ lúc thi dờn, năm cung gây tiếng khoan tiếng nhật, cụm nhụy đào gấn chặt, chổi đơn què khoe tươi, một năm là mười hai tháng thanh thời, ba vạn sáu ngàn ngày thông thả. Chữ thích chí rằng rằng đã thỏa, mặc dầu ai xa mã thị thành, màng bao nẻo lợi đường danh.

THƠ NGŨ CANH

Chập tối trời bày dạng đầu tinh,
Ban hôm trông một mới thu canh.
Đầu nhà khói tỏa màu sương bạc,
Sườn núi chim kêu ản lá xanh.
Tuần xóm kia ai rao mò cá,
Dàng hương cảm kẻ nặng chày kinh.
Nơi nơi trò chuyện đều no âm,
Mạng rở âu ca khúc thái bình.

Thập thoảng gần xa khách vắng lai,
Khúc rông canh đã chuyển sang hai.
Lầu treo cung nguyệt người êm giấc,
Đường quanh nhà thôn cửa chặt gài.
Lều trại nơi nơi đem lửa nhúm,
Cỏ hoa chôn chôn đượm sương rài.
Thành thời hứng chí còn chưa ngủ,
Đoàn địch vài hơi trời mái ngoài.

Đêm đà hâu nửa nửa đêm mà,
Đieu đầu trên thành trông diêm ba.
Dưới cỏi leo heo hơi gió mát,
Trên không lác đác hột sương sa.
Bâng khuâng tưởng cảm hồn thần nữ,
Vắng vẻ lầu cao bóng tở nga.
Nhớ chủ lạc loài năm chẳng nháp,
Mơ màng trần trọc đợi canh gà.

Kẻ mẫn canh đà mây khắc dư,
Đêm trường đằng đằng mới sang tư.
Cửa nhà lặng lẽ say tin điệp,
Gió sóng lai rai rùn chí thừ.
Chim vịt thảng thơ ngoài nội quanh,
Cá tràu chìm nổi về sao thừa.
Hối người chân mạng trên muôn triệu.
Xa vợi phương trời giấc đặng chưa.

Đêm trường đèn hạnh lửa lăm nhăm,
Xao xác canh gà trông diêm năm.
Nguyệt dán da trời cao vợi vợi,
Sương sa mặt đất ướt đầm đầm.
Bé thơ trẻ học còn chưa dạy,
Già cả nhà nông mới thức nằm.
Bóng thỏ phương đông hâu rạng tỏ,
Tiếng kinh thêm nổi tiếng hàn, châm.

NGŨ CANH THƠ XƯA

Màng còn áy náy nỗi thân sanh ;
Vàng vằng trên lầu diêm một canh.
Lửa dóm lem nhem vừa nhúm củi ;
Đèn trằng thắp thoán đã soi mạnh.
Vỏ lòng lén thán than đầu bạc ;
Tường thưở xuân xanh hồ tóc xanh.
Thoạt giận lại buồn buồn lại giận ;
Công lênh chi uổng hời công lênh.

Nỗi nước nầy còn hỡi hỡi ai ;
Canh sao thoát đã trở sang hai.
Nửa vầng gương nguyệt vừa kê mặt ;
Một dãy sao ngân mới gác tai.
No âm thân nầy mang nợ chúa ;
Cao dày nghĩa nợ trả công tôi.
Mơ màng vui sướng hoa gương già ;
Nay chẳng nên chi hưởng lựa mai.

Chạnh lòng khoan khoái tưởng lo xa ;
mới đó sao canh đã điểm ba.
Sương bủa hòa trời sao rải rác ;
Tuyết dăng khắp núi nguyệt dân già.
Bâng khuâng sầu thúc khôn ngăn lụy ;
Bức tức buồn tuông biêng nói ra.
Những mảng so đo tìm lẽ hời ;
Hỡi ai hơn hỡi tâm lòng ta.

Canh khuya trần trọc lại để thư ;
Ai ngỡ canh sao đã điểm tư.
Cửa hé mưa bay mưa phới phới ;
Đèn trăng nguyệt giai nguyệt mờ mờ.
Sương dắm ngọn cỏ nơi nơi xếp ;
Gió động nhành cây lá lá đưa.
Thầy kiếng động tình tình cảm kiếng ;
Trách ai sao khéo có bơ thờ.

Ái ngại lòng đơn khó nỗi nằm ;
Đồng hồ thê đã tới canh năm.
Xao xao cuối biển thuyền chài nôi ;
Vàng vằng đầu non thức nguyệt trâm.
Anh ôi gà diêng hơi nhật thúc ;
Bĩ làm ngựa khách vó lăm chằm.
No nao chóng thầy vắng hồng lô ;
Cho bỏ đêm nầy kéo nhọc thăm.

TRÔNG CHỒNG THƠ

LỤC CHUYỀN NGÂM.

Gương tà nguyệt xê đã ngoài song,
Hắc hẻo trông sao quá rất trông.
Thương bày thiết tha lòng héo liễu,
Nhớ thêm vàng vò má phai hồng.
Vương sâu xiết kẻ chi nguôi bắc,
Ý tuôi thêm buồn-bã chạnh đông.
Chẳng hời biết ai chẳng thăm bực,
Loan hàng viết thảo tả tình chung.

THƠ VỌNG PHU

Đá tạc hình ai đã mây đông,
Con thơ tay âm lòng trông chổng.
Mưa ngâu tuôn lụy nhâm ngàn bắc,
Gió nữ xui sầu dợn biển đông.
Rạng đất rạng trời thêm rạng tiết.
Cùng non cùng nước dễ cùng lòng.
Khá khuyên má phấn trăm thu dưới,
Lây đó làm gương sửa tánh lung.

THU VỊ NGÂM.

Há dễ thương cô gái có chồng,
Thương vì một nỗi chạnh phòng không.
Thương con bướm bạc mưa xơ xác,
Thương nụ bầu non tuyết lạnh lung.
Thương vợ chồng âu duyên chích mát,
Thương cha mẹ nhện sổ long đông.
Thầy người thanh lịch mà thương vậy,
Há dễ thương cô gái có chồng.

Non nước tan tành hệ bởi dâu,
Một vầng mây bạc ở Ngao-châu.
Ba triều công cán vài hàng số,
Sáu tỉnh cang thường một nhăm thâu.
Trạm bắc ngáy chờ tin nhận vắng,
Thành nam đêm quạnh tiếng quiên sầu.
Đình ninh chín chữ lòng con tặc,
Trời đất từ đây bật gió thu.

Đứa mắc ghề ruồi đứa lác voi,
Bao nhiêu xiêm áo cũng tro mồi.
Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,
Đứa nịnh hàm râu mây sợi còi.
Trên đỉnh có nhà còn lộp lộng,
Dưới chơn không ngựa lại giờ roi.
Hèn chi chúng nói bội là bạc,
Bôi mặt đánh nhau củ lại thoi.

Thảo đâu dám ví kẻ cày voi,
Muỗi xát lòng ai nầy mận mồi.
Giúp Hán còn nhiều trượng cột cả,
Về Tào chi sá một cây còi.
Thúc tình nhớ mẹ khôn nâng chén,
Roi lụy cùng vua biếng nặng roi.
Chẳng dặng khôn Lưu làm đại Ngụy,
Thân nầy gác để ngoại dòng thoi

GÀNH MÓM THƠ.

Tượng mắng non xanh tác chẳng già,
Cớ sao gành móm lại gio ra.
Chòm rong lộp xộp râu Bành-tổ,
Chơn đá gio gie nớu Từ-nha.
Nước súc lêu lao cơn sông dợn,
Khăn lau cột quệt thức mây qua.
Thè be muôn hồi xuân thu mây,
Rằng thuở thiên khai đã có ta.

TRINH NỮ THƠ.

Bây lâu còn giữ tâm lòng son,
Duyên trái xin đừng ép uống con.
Hát bắc đờn nạm khồn găng nhịp,
Nổi tròn vung méo dễ in khuôn.
Thà đam lá rụng trôi dòng biếc,
Nỡ để hoa thơm nhúng chậu bùn.
Trách bây ông tơ xe chắt mồi,
Ôm lòng cam chịu nước cùng non.

VỢ ĐƯA CHỒNG ĐI THI THƠ.

Những thuở bên đông bóng mới lò,
Đưa chồng xuống đó mãng lân mò.
Ngàn trùng cửa võ xin chàng gắng,
Muôn mối nhà đơn mặc thiệp lo.
Trướng phụng vui vầy chưa toại mây,
Sân rồng rạng tiết mới thơm cho.
Một mai dầu đăng vinh nhành quê,
Tâm mường xin thương thuở học trò.

Mười năm đèn sách nhọc công dòm,
Thi đồ ba trường tiếng nức om.
Phì chi nam, nhi con trẻ choảnh,
Đến ơn cục đực mẹ già còm.
Trên đầu lông lợp màu xanh lét,
Dưới võng áo ban sắc đỏ lòm.
Nhờ chút ơn vua về bái tổ,
Mãng lòng lên ngựa nháy lom xom.

CỐI XAY THƠ.

Công danh trên thế đồ ai tày,
Ra gạo cũng nhờ cái cối xay.
Một trận chi sồn cơn gió bụi,
Trăm vòng nào nại sức long lay.
Mòn răng hết dạ đến ơn chúa,
Trắc hòng khen ai khéo đặt bày.
Bao quân thớt trên mòn thớt dưới,
Hèm vì còn giặc phải ra tay.

ĂN GỎI CÁ SANH CAM THƠ.

Giăng tay bắt đặng cá con con,
Ăn gỏi sanh cam quá rất ngon.
Chanh chua hòa với rau mơ núi,
Mắm nục lộn cùng chuối chát non.
Vặt vả trên tay tươi rói rói,
Đưa ngay vào miệng cắn giòn giòn.
Mấy đã sa cơ về kiếp ây,
Tao đưa một chén rồi linh hồn.

CHÊC LAY CON MÊN THƠ.

Găm lại ông tơ khéo đá đoan,
Ai xui chồng Chệt vợ Cao-Man.
Hia thì để chóp răng như phân,
Nàng vận chân vắn mặt tợ than.
Hia gọi ăn cơm rằng xức phạn,
Nàng kêu uông nước phát tức lang.
Mai sau có phước sanh con cháu,
Hai nước giao hòa thuộc cháo chan.

NGHE EM BẬU CÓ CHỒNG THƠ.

Trăm năm dộc kết ngời tơ hồng,
Phường phật rầy nghe bậu có chồng.
Chát chát lỗ tai gán muôn điếc,
Rưng rưng nước mắt chảy khi không.
Mai về non lạnh mai tìm bạn,
Cá ở sông tương cá hóa rồng.
Thục nữ làm chi đều bạc ác,
Thuyền duyên lại phụ khách anh hùng.

TÔN PHU NHƠN QUI HÂN THƠ.

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Ngàn năm rõ tiết gái Giang-đông.
Ở Ngô bịn rịn vùng mây bạc,
Về Thục trau tria phạn má hồng.
Son phân nở đem giầy gió bụi,
Đá vàng đầu đe thẹn non sông.
Ai về nhắn vôi người Công-cần,
Thà mất lòng anh-đặng bụng chồng.

HỮU HỌA NGUYÊN VẠN.

Cải trâm sửa áo vẹn câu tòng,
Mặt già trời chiếu biệt côi đông,
Khởi tòa vùng Ngô xen thức bạc,
Duyên xe về Thục đượm màu hồng.
Đôi bên tơ tóc bên trời dãi,
Một gánh can thường nặng núi sông.
Anh hỡi Tôn-quyên anh có biết,
Tội ngày thờ chúa gái thờ chồng.

ĐƯA ĐÒ THƠ.

Trời biển linh đình một chiếc đò,
Đò ai thâu đặn tâm lòng vò.
Buồm loan thông thả khi trưa trặt,
Bãi hạc ngêu ngao lúc tối mò.
Chỉ sợ miệng lần lời uôn éo.
Nào lo lưởi môi giọng quanh co.
Đâu vui cho bằng miễn trắng gió,
Ba bảy nhành mai mặc kiên bò.

HỮU THÊ.

Trời biển linh đình thú rất ưa,
Giang tân rước khách sớm cùng trưa.
Thuyền loan nào quán cơn xuôi ngược,
Chèo què bao nải mái nhất thừa.
Phỉ dạ thuyền quyền khi đợi rước,
Mặc lòng quân tử lúc mời đưa.
Trăm năm còn tạc cây da cũ,
Bên liểu xin tình đoái khách xưa.

MẸ GÀ CON VỊT THƠ.

Lời tục xưa nay ví cũng thường,
Mẹ gà con vịt thiết tình thương ;
Nàng niu cũng tưởng nên da vóc,
Khôn lớn nào ngờ khác thịt xương ;
Cắc có bởi ai xử tráo chác,
Nhọc nhàn nên phải gắng toàn đương ;
Một mai đầu nhẩn nên lông kiên,
Chớ phụ thân này chịu nắng sương.

THƠ HỘT GẠO.

Giã từ đồng ruộng dạo xa chơi,
Lớn bé ai mà chẳng cậy hơi.
Cỏi giáp vàng kia phôi chôn chôn,
Bầy da ngọc nọ rạng nơi nơi.
Ông cha giúp nước đã ghe thuở,
Dòng giống nuôi dân biết mấy đời,
Vi thể liễu mình cơn nước lửa,
Ai mà có biết hối ai ơi !

THƠ MIÈNG SÀNH.

Rủi tay một chốc hóa tan tành,
Đên thê còn kêu tiếng sỏi sành,
Sắc lèm đường gươm người góm mặt,
Rán sao ra mở chúng kiêng tình.
Ghe phen ló mũi nằm trong cát,
Nhiều thuở làm chông đứng mặt thành.
Chuông trông nhà ai dạn dăm sành,
Gỗ chơi cũng có tiếng canh canh.

THƠ CÂY BÁP.

Luông chịu ba trăng trần cỏi bờ,
Thương vì một chút chúng dân thơ.
Nghe oai thích lịch ôm con đở,
Nương lịnh nam phong phát ngọn cờ.
Miễn đặng an nhà thêm lợi nước,
Chi nài dãi nắng với dầm mưa.
Biển hồ lai láng tâm kinh lặng,
Giải giáp một khi cả thảy nhờ.

THƠ CÁ THIA THIA.

Đồng loại sao người chẳng ngờ ngàn,
Hay là một lúa phải nông gan.
Trương vì đồ sộ vãi ngang nước,
Đâu miệng hơn thua nửa tác nhang.
Uớm sức giầy lâu đà tróc vảy,
Nín hơi trót buổi lại phùng mang.
Ra tài cửa võ chưa nên mặt,
Các cơ khen cho khéo nhộn nhàng.

THƠ TRĂNG NON

Khen ai các cơ bằm trời tây;
Tỉnh thức Hằng-nga khéo vẽ mây.
Nửa phiên tỉnh tỉnh trôi mặt nước;
Một vành lững lờng dấn chơn mây.
Cá ngờ câu thả tới bởi lợi;
Chim ngờ cung trương sập sập bay.
Miệng thê chớ chê rằng chích-mắc;
Một mai tròn trịa bốn phương hay.

THƠ ĐI GIA ĐI TU

Chầy kinh động tỉnh giấc Vu san;
Mái tóc qui y nửa trắng vàng.
Đài kính thử soi màu phân lợt;
Cửa Không đánh gời chút xuân tàn.
Tỉnh bốn hoa liêu vài câu kệ;
Nương bóng tang du một chữ nhàn.
Ngành mặt lầu xanh xem những trẻ;
Trăm luân chưa khỏi kiếp hồng nhan.

THƠ CÂY VÔNG

Uông sanh trong thê mây thu đông;
Vông lớn làm chi vông hỡi vông.
Rường xoi cột trở chưa nên mặt;
Dậu mỏng rào thưa phải dụng lòng.
Da thịt càng già càng lộp xộp;
Ruột gan chẳng có, có gai không.
Mới biết cây nào sanh giống ấy;
Qua xuân bốn tợn cũng dơm bông.

THƠ CON TRÂU

Mải sừng cho lắm cũng là trâu;
Gẫm giống chi chi thật lớn đầu.
Trong bụng lam nham vài lá sách;
Ngoài cầm lém đém một chòm râu.
Mắc mưu dốt dốt tới bởi chạy;
Lắm lẽ Boi chuông giốn giác sáu.
Nghé ngo một đời quen nghe ngo;
Năm dây đòn gẩy biết nghe đầu.

THƠ CON VOI.

Giống chi đồ sộ đứng kia cạ:
Chẳng phải là voi cá một gà.
Dầu lớn lưng tôm kẻ bốn dưng;
Voi dài miệng lợn chồi hai ngà.
Đã từng vì nghĩa cày non Lịch,
Sao khéo đất đều giậm mã nhà.
Quê quán người xưa nơi Tượng quận,
Sang chơi Miên-diện với Xiêm la.

THƠ CON RẠN

Mặt mũi mấn-ri cũng có râu ;
Cả đời chẳng biệt dụng vào đầu.
Xon xao trên mào chưa nên mặt ;
Lục đục trong chần cứ giục đầu.
Khuây ngựa gây dân chi khác một ;
Ra công béo nước chẳng bằng trâu.
Khéo sinh trong thê chi cho nhộn,
Cố có không không cũng chẳng cầu.

TAN CUNG OAN

- ¹ Khỏi tòa cung a, sương lông đồn bá.
Xuân tín ngò cùng con điệp sứ,
- ² Phương tâm đành thẹn với long nhan.
Nẻo tuổi xanh xảy gặp bụi hồng,
Thuyền ngư phủ đưa vào động bích ;
Khách má đồ tể đeo phận bạc,
- ³ Chỉ nguyệt ông dắc lại lầu son.
Về vắng chẳng một tiếng cung nhưn,
- ⁴ Ngạo ngán cả mười nguyên thất nữ.
Cầu hồng giậm tiếng giầy tơ sẫm,
Xô bỏ dưới nguyệt gót kim liên ;
Các phụng chen bóng bụi đường mây,
- ⁵ Lấp lóng trong gương da bạch ngọc.
Đài loan nọ thôi cười với nguyệt,
- ⁶ Nệm túy kia lại ủ cùng hoa.
Nét mày xanh, từ cái lá cũng ghen,
Cầu khiến hững, đành chìm dòng nước chảy ;
Lăn môi đỏ, tới con chim cũng ghét,
- ⁷ Giắc thừa lương, nên lạc bóng trắng tà.
Nghĩ thân duyên tắng rơi nước mắt thấm,
- ⁸ Nghe thê sự bỗng đồ mô hôi trộm.
Cung Kỉ thủy, lúc nỉ non tiếng dề,
Trướng thu phong, lạc bạc quán huyện xưa ;
Cửa Hàm-quan, khi đôi ôi ngọn đào,
- ⁹ Rèm tả nguyệt, ủ mùi la ý cũ.
Quá ngán nhè, cửa bạch cu một phút,
- ¹⁰ Nực cười thay, tranh thương cầu trăm hình.

- Con hươu bách nhị, lạc loài đầu,
Hoa cò ngậm ngùi vườn thượng huyền ;
Cái én tam thiên ngơ ngẩn đây.
- ¹¹ Mây mưa bát ngát đánh Vu phong.
Tiết đã đành mái tóc kiêu sanh,
 - ¹² Duyên chẳng nhuộm môi tơ lai thê.
Vĩ thân đã lấy hương cầm dịch,
Cỏ Lê-sơn đành lập tóc da rồi ;
Dầu phận còn để lá ngư câu,
 - ¹³ Trăng Tri-thủy hãy cầm hơi bóng lại.
Hộp ngọc nữ sương còn ướm đóng,
 - ¹⁴ Tiếng chơn nhưn gió đã xa đưa.
Dòng Đào-đường tuôn róc rách dưới sông Lưu,
Mẹ xà khóc bên đàng nghe cũng tui ;
Mây Man-lãnh, chơn vờn về đất Bái,
 - ¹⁵ Chì Tri theo trong núi nghĩ mà thương.
Thấy bóng cò ai chẳng rượu dề mường,
 - ¹⁶ Nghe lạc ngựa đầu không đồn sáo rước.
Bên Chi-đạo xe vôi ngựa phên,
Dòm thầy lòng bắt nhãn những thăm thì ;
Trước kim lâu xiêm bụi áo bùn,
 - ¹⁷ Vàng biệt ý dục lưu mà khép nép.
Dòm khí sắc đều nên năm về,
 - ¹⁸ Găm cơ duyên ắt trọn ba sinh.
Tình cờ bỗng gặp hội rồng bay,
Au lửa bén hương lây cho đáng số ;
Giải câu hoặc chìm hơi khi tắm,
 - ¹⁹ Đẻ hoa trời nước chảy cũng oan tình.
An quan giả đã thật chúa ái nhưn,
 - ²⁰ Thì thánh thê có để ai oán nữ.
Au ca thuở về cùng Thuận Võ,
Cao-giao, Hậu-tắc nào ngăn ;
Huyền hoàng xưa lại với Thang Văn,
 - ²¹ Y-doãn, Châu-công há-cầm.
Nay trong trướng chưa chút chi đợm mặt,
 - ²² Mà ngoài sân đã lắm tiếng ôi tai.
Ngán ngẫm thay, nắng chẳng thương hoa,
 - ²³ Ngạt ngáo bày mây không xót nguyệt.
Ngọn xích xi ùn ùn về Bá-thượng,
Hoa trời nước chảy lạt lẻo thay tình ;

Má Lam-diên dứt dứt đề Quan-trung,
24 Phấn cuộn hương phai bĩ bán bấy phận.
Lặng thì những đeo sầu ngậm tủi,
25 Nói ra đường ép đầu nài yêu.
Úp bánh xe những tội Lý-tư,
Nào ai dám nhứt tiêu khuinh thành,
Mà gương Võ nhè vong Tần cho đáng;
Giơ vọt ngựa nức danh Châu Võ,
Lây ai đủ thập thân phụ quốc,
26 Mà thấy nhỏ rằng trợ Kiệt mà tin.
Quáng còn người không nhắm cuộc tang thương,
27 Đánh lá lưới bồng giếm duyên phận đại.
Mặt bán thịt mới mua danh năm nợ,
Chàng qua vì di nó đánh ghen thay;
Gan cấp dùi làm mất vía ngày xưa,
28 Hân thật vì chúa mình gây giận mãi.
Sức bao nả cũng xon xao dưới bệ,
29 Trung với ai mà thò thẻ bên màn.
Thật những loài bữu ngọc mê tình,
Ngấn giọt dãi phú ông thời cũng phải.
Nào những thuở dựa hương chực phận,
30 Dứt tâm lòng du tử thể cho đang.
Thuở đông cư lòng sớ háo nào chịu,
31 Nay tây nhập thể hữu vi mà cảm.
Một là giựt mình oai chín quận,
Sẽ bước ra dọi tướng quân vào;
Một là theo dấu thú năm hồ;
32 Để liền lại lừa Tây tử bước.
Đã đáng ghét một liễu thuốc độc,
33 Lại xằng văng ba tác lưới mêm.
Bối lẻ loi vì phận khách bình bông,
Lần kim giáp dè hơi hương chẳng thâu.
Vĩ may mắn đường duyên ai cơ trử,
34 Nét bích y chưa chút bụi nào rơi.
Lượng bao dung dấu nhấn hẹp hòi,
35 Tư minh đặc có đầu lăm lổ;
Chàng nhớ thuở nép cây xanh nghe lạc ngựa,
Thấp thoàn bóng dù dạng kiêu.
Mà than rằng chí cả trượng phu;
Tới lúc này ngồi lầu ngọc nhắm tranh người,

Xon xao đầu vòng chơn bài,
36 Lại làm ngành cái sang hoàng đề.
Tuy cách bức khách còn là khách,
37 Song trong gương mình lại yêu mình.
Gương làm màu hao sắc ngày xưa,
Thời chỉ bài tiểu, mặt nào cũng không tài ghét ngọc.
Vĩ đèn nổi kết duyên đêm nợ,
38 Thời chỉ tại trung, tay này toan hơn dạ ghen vàng.
Gương trong đuốc sáng mặc lòng trên,
39 Cỏ áy huê hèn đành phận dưới.
Nơi hang già phỏng hơi dương còn cuộn,
Ắt trong nước ai chẳng thân thiệp,
Lại phỏng tiểu cung quê cũng cam lòng.
Chôn non kinh dấu về ngọc còn lăm,
Thời dưới trời đầu cũng giang san,
40 Dấu cửa trúc nhà tranh càng mát mặt.
Sở là bởi tiếc chung mới nói,
41 Há rằng còn giận mịch mà thừa.
Xin chớ cười lời khách kiêu sĩ,
42 Dám gởi lay đức người hoát đạt.

VĂN QUÂN TIEN QUÂN TÊ CAC TƯƠNG SI TU TRẬN

Trời Đông-phổ vụn ra sớ kiềng, trái mây phen gian hiem mới
có ngày rày,
1 Nước Lư-hà chảy xuống Linh giang, nghĩ những kẻ điều linh
những từ thuở nợ.
2 Đã hay sanh là ký, mà tử là qui, nhưng mà mạng ấy yếu mà
danh ấy thọ.

Nhớ ai nấy xưa:

3 Tình dưới hiên mao, phận trong giải trụ.
Ba ngàn cấp con em đất Bái, cung tên ngang dọc chỉ nam nhi;
4 Trăm năm vẫy bờ cõi non Kỳ, cơm áo nặng dày ơn cô chúa.
Trao thân cho nước, son sắt một lòng;
5 Trọn nghĩa cùng thầy, tuyết sương mây độ.
Kẻ thì theo kẻ lữ bước qua miền khách địa, hăm hồ mài nanh
trổ vút, chỉ non tây thể chẳng đội trời chung,
6 Kẻ thì cuộn viết mao trở lại chôn sớ cơ, dập diều dựa cánh
nuơng vai, trông cõi bắc quyết thâu về đất cũ;

- Năm gai nếm mật, chung nỗi ân ưu ;
7 Mở suối bắc cầu, riêng phần lao khổ.
Trước đã trải Xiêm-la, Cao-mên về Gia-định, mới lần ra
Khương-thuận, biết mấy lúc sơn lam hải lệ, trời cao quang
soi xét tâm trung trịnh ;
8 Rồi lại từ Bàn-thạch, Quảng-ngải đến Phú-xuân, mà thành tới
Thăng-long, biết mấy phen võ pháo vùn thê, đất Lũng-thực
lăn vào nơi hiểm cô.
Phận truy tùy gấm lại cũng cơ dươn,
9 Trường chinh chiến biết đâu là mạng sô.
Kẻ thì theo chơn ngựa quyết giết cờ trong trận, xót nhè ! gan
vàng, mà mạng bạc, nắm lông hồng theo đạn lạc tên bay ;
10 Kẻ thì đứng mũi thuyền toan cướp giáo giữa dòng, thương
thay ! phép trọng để thân khinh, phong da ngựa mặc bèo
trôi sóng bô.

Ôi !

- Một niềm trung nghĩa, lẽ sô đoàn tu,
11 Nửa cuộc công danh, chia người kiếm cò.
Tiếc là tiếc mảnh xương đồng da sắt, thanh bửu kiếm đã trăm
rèn có sẵn, âm no nên trả đền hình hải ;
12 Thương là thương tâm dạ đá gan vàng, bóng bạch cu xem nửa
phút như không, giầy đội chưa cam trong phê phủ.
Phận dẫu không các tía đài mây,
13 Danh đã khắp ngàn cây nội cò.
Cảm vì kẻ theo cờ trước gió, thân chẳng quản màn sương,
nếm tuyết, những mong xem cao tháp bức cân thường,
14 Chạnh thay người lạc bước giữa đường kiếp đã về cõi xuôi,
làng mây, nào kịp thấy ít nhiều hơi vũ lộ.
Ngọn còi tức nguyệt nơi trời nơi reo,
15 Láng cò ngàn hoa chôn tươi chôn ử.
Vàng Thượng đức ngự hồi loan thán trước, đoàn ứng nghĩa
từ Quảng, Thuận, Nghệ, Thanh mới đó, gọi ân quang reo
dậy dưới đèo Ngang ;
16 Những quân nhơn từng thượng trận ngày xưa, cấp thưởng công
từ Ngộ, Mùi, Thân, Dậu đèn này, treo tánh tự để năm sau
lá sô.
Tình xưa ngao ngán nẻo tà ô,
17 Dầu cũ ngâm ngùi đường lạc thô.

- Đã biết đứng anh hùng thì bất quản, trăm trận một trường
hoanh liệt, cái sanh không cái tử cũng như không ;
18 Song trách con tạo hóa khéo vô tình, ngàn năm mây hội tao
phùng, phận thì có phận chung sao chẳng có.

Bốn trước nay,

- 19 Vàng lệnh biên phòng, chạnh niềm viễn thú ;
Dưới cửa nức mùi chung đánh, chạnh nhớ khi chén rượu rót
dầu gành ;
20 Trong nhà rang vẽ áo xiêm, chạnh nhớ thuở tâm cầu phong
trước gió.
Bưng khuâng kẻ khuất với người còn,
21 Mừng tượng thấy đâu thì tở đó.
Mịt mù gió trốt thổi dầu tha hương,
22 Nhấp nháng lửa trời soi miến cỏ độ.
Miến phò định tới nơi còn dung ruổi, ngụ lòng một lẽ chén
rượu thoi vàng ;
23 Chữ giữ đồng gấm lại cũng đình ninh, chung mặt ba quân cò
điều nón đỏ.
Cầm phu đều tới trước khuyên mời,
24 Linh thỉnh hãy nghe trong dặn dỗ.
Trường chiến tranh hoặc là oan hay chẳng, cũng không nệ kẻ
trước, người sau, hàng trên, lớp dưới, khao tề rồi lại biểu
tâu cho,
Lương chớ che đành chẳng hẹp nơi nao, hoặc ai còn cha già,
mẹ yếu, vợ góa, con côi, an tập hết cũng châu tuất đủ.
Hình thể đầu đều ngày tháng Thuận, Nghiêu.
25 Hải cốt đó cũng nước non Than, Vũ.
Mấy huyền tạo thẳng trăm chưa tỏ, linh thì về cò quận để hương
thơm đèn sáng, kiếp tái sanh lại nhờ cửa tiền quân ;
26 Niềm tôn thân, sanh tử chẳng quên, linh thì hộ bốn triều cho
biển lặng sóng trong, đời muôn kỷ không day nên bửu tộ.

Ngô hường.

VĂN THU-KHOA NGAI TẾ VỢ

- ¹ Gió nữ phát phơ, mưa ngâu lác đác.
Duyên Bình-thủy sum vầy đã tan rã, ngạt ngào bọt nước sóng xao.
- ² Đuộc loan phòng tỏ rạng phút khêu lờ, sáng sột ngọn đèn gió lạt.
- Nhớ linh xưa :
- ³ Tánh đức son vàng, tình không đen bạc.
Chen dưới nguyệt vóc tròn hơn nguyệt, phòng huê đã rực rỡ
gương trinh ;
- ⁴ Ở trong trần mà chẳng nhuộm trần, vườn dâu khỏi lắm như bụi cát.
Trong vầy màu bùn cũng đục, những dự sang giàu, của trăm
xe đưa rước nào màng,
- ⁵ Nghèo mang khổ chuỗi mà khôn, phải duyên đầm thắm, cầu
mây nhiếp xa xuôi gánh gác.
- Ở với mẹ đã trọn niềm hiếu hạnh, chịu lòn theo làn lý với anh em,
- ⁶ Lúc theo chồng dư biết chữ xướng tùy, đẹp đẽ với xóm diềng
cùng chú bác.
- Ưa mùi đạo khuyên chồng nậu sữ, nam tử may nợ nước đến bồi,
- ⁷ Thảo thờ thân giữ phận chưng lê, nữ công trọn giếng nhà
gánh vác.
- Trường khoa mục qua mong chỉ cả, ít nhiều đã mở mắt với
non sông,
- ⁸ Nhà hàn vi bậu dộc tay núng, may mắn đăng cật đầu cùng
bạn tác.
- Chồng vợ thắm đều không cha mẹ, em luông than phận khéo
lẻ loi ;
- ⁹ Cậu cô hòa một cửa anh em, tình vui thuận lời không chích mác.
Công danh lỡ vì mang bịnh quỉ, em chẳng phải như vợ Mãi-
thần ngày trước, thời chưa nên làm thói dễ dãi,
- ¹⁰ Khó bèn cam nào dám trách trời, bậu chẳng phải như vợ Tô-
tán ngày nọ, vắn chưa đặc đam lòng khi bạc.
- Phận khó khăn yếu đuối, vóc liễu bỏ đầu dài nắng mưa,
- ¹¹ Con nhỏ dại thơ ngây, tay chủ quỉ không rời thước tắc.
Ở theo thì, làm theo thể, qua khỏi tuần sấm đất tan bìa,
- ¹² Bay kịp chúng nhẩy kịp thì, mớiặng hưởng gió trần đưa các.
Ăn cần ở kiệm, giàu không khoe khó cũng không dũa,

- ¹³ Mua nghĩa chác nhờn, trước chẳng phai sau chẳng lạt.
Chữ thề từng phu quí, em nan than chẳng nhờ của cũng nhờ công ;
- ¹⁴ Câu phụ tác tử thừa, bậu nong nả chưa nên vai đã nên vác.
Nghiep tiền thê anh lo gây dựng, mắng thắm đã mở mắt với
hương lân,
- ¹⁵ Đạo thanh hiền bậu dộc khuyên dương, gắng vó đã nên gương
cùng hậu giác.
- ¹⁶ Ôc đã hết lúc gian truân, hay chưa tới chừng hanh đạt.
Bồng dàu khiến gió giay mưa tạt, non hoa hạc lặn trăm trăm,
- ¹⁷ Nào hay nòi vật đổi sao dời, cửa sổ ngựa qua thoát thoát.

Ôi !

- ⁸ Sông Lệ vàng chìm, non Côn ngọc nát.
Cảnh giai lão trách lòng trời đất, khó có nhau giàu cũng có nhau ;
- ¹⁹ Quỉ vô thường làm cuộc bể dâu, vật tráo chác người sao tráo chác.
Con sáu tuổi thơ ngây một bóng, em bao đành nhắm mắt nhắm tiên,
- ²⁰ Chồng trăm bề lo lắng một mình, bậu bao nỗi sấp lưng cỡi hạc.
Ai mượn lão Diêm-phù rước khách, mẹ lìa con vì gã khiến ức oan,
Ai mượn người Quỉ-bá đưa người, chồng xa vợ ở người nên
bạc ác.
- Chữ đại đức tất đặc kỳ thọ, đọc tới phát buồn,
- ²² Câu tích phước tất hữu dư khương, nghe càng thêm lạt.
Qua đề bậu chẳng bằng tiền đũa, phận phận gương chẳng kịp
nửa giờ ;
- ²³ Trời giết người chi sá gươm đao, chừng nghèo ngặt không
đầy một lạt.
- Đêm khuya hãy nung niêu một trề, nghĩ từ cơn ruột tợ kim châm,
- ²⁴ Ngày ra vào vắng vẻ không em, nhớ từ chẳng gan dường muối xót.
Cuộc long hồ lập rồi ba tác đất, ôi thời rồi má phấn hồng nhan,
- ²⁵ Bận phụng loan phân rẻ một phương trời, lo đáo để duyên đơn
phận bạc.
- Đã biết kiếp thác là kiếp mật, tâm lòng thành đủ bày tuấn chay.
- ²⁶ Cho hay người mặt mà nghĩa còn, thò lè lè vai măm măm lạt.
Hỡi ôi tiếc thay ! Hỡi ôi thương thay !

VĂN CHA MẸ TE CON GÁI.

Hỡi ôi! Phải căn sô ít duyên ít phước, thì không phứt đi cho rồi;

- ¹ Làm chi cho nên về nên vai, mà mặt như vậy dặng!
- Giận bây lão càn khôn bạc ác, chộc chộc hấn không vì;
- ² Hém thay con tạo hóa có trêu, ben ben tao muôn mắng.

Nhớ linh xưa.

- ³ Tánh rất thiệt thà, tình nên ngay thẳng.
- ⁴ Ăn chời ở lở vòn không, đôi mách ngồi lê cũng chẳng.
- Thào với cha lành với mẹ, như bát nước ý không xao;
- ⁵ Ra cùng xóm ở cùng diềng, ước hột cơm đà chẳng cần.
- Chi hay niềm em hay nỡ, ai mà chẳng dàu chẳng yêu;
- ⁶ Ăn bữa trước lo bữa sau, mẹ đà khỏi dò khỏi dận.
- Tai quái bãi buổi trời kệ, khôn lanh chẳng qua thiệt thà.
- ⁷ Lẳng lơ thừa thiếu trời ai, khéo léo không bằng ngay thẳng.
- Đời nào biết làm giọng ành giọng e mà đức tớ, có giận thì la cái giống nó lộn rổng.
- ⁸ Đời nào hay cầm cái roi cái vọt mà đánh em, có giận thì mắng cái thằng sao nó rần.
- ⁹ Hẹ là con từ ấy nhần nay, đi đâu mặt một đàng thằng rảng.

Ôi

- ¹⁰ Nước chảy huê trôi, sao đời nguyệt lặn.
- Nghiep trăm năm từ ấy mà thôi,
- ¹¹ Vàng ngàn lượng để mô cho dặng.
- Nhớ tới tiếng con cười lời con thốt, càng thêm chua thêm xót đời con,
- ¹² Nhớ tới cách con đứng dạng con ngồi, luồng đề nhớ đề thương từ chẳng;
- Đường ra ngà vào còn đó, con đi đâu cho rêu cỏ mọc xanh,
- ¹³ Thúng may rỏ vá còn đây, con đi đâu cho mốc meo dống trắng.
- Thầy con đề, cha mừng đà hết lớn, mừng thì mừng mà dạ hầy bằng sương,
- ¹⁴ Nghe con la, mẹ sợ một diềng hôn, sợ thì sợ chạy trời không khỏi nắng.

- ¹⁵ Nỗi con phận đã rui ro, chút cháu lại không may mắn
- Nay mẹ còn lắc lẻo, e khi khói lạnh nhang tàn,
- ¹⁶ Mai mẹ có rụng rời, lầy ai giữ mỗ hoang cỏ lảng.
- Chưa có dàu, nhờ một chút con,
- ¹⁷ Còn chàng rẻ, kẻ chi cái thằng.
- ¹⁸ Dân già kẻ dặng bao lâu, nay giáp lại liền năm năm chẵn.
- Có con biết không con cũng biết, đĩa muối dưa tạm đặt lưng voi,
- ¹⁹ Sông cho khôn thác cũng cho khôn, tình sông biển dễ từ lạt mặn.
- Nước mất không khi nào ráo, mạch sáu này ai mức cho hao,
- ²⁰ Đoanh lòng dễ biết mây chiều, dây thắm nợ ai tể cho vắn.

Phục duy.

THAO THỨ HỊCH

- ¹ Tượng mắng: Lẽ trời sanh vật, vật ấy nhiều loài.
- ² Lầy câu thuận tánh làm lành, thầy chữ nghịch thương mà ngán.
- Nhỏ là loài ong kiến, còn biết nghĩa quân thần.
- ³ Lớn là loài hổ lang, cũng niệm tình phụ tử.
- Kìa như nha báo tai, thước báo hỷ, đời cũng nhờ lành dữ đem tin;
- ⁴ Nợ như khuyến thù dạ, kẻ tư thân, người còn cậy sớm khuya an giấc.
- Lò tạo hóa nhúm nhen khắp vật, vật nào hay khuấy rối sự nhà;
- ⁵ Thợ hóa công đúc nặn nhiều loài, loài nào dám xoi hao mạch nước.

Nay có con chuột:

- ⁶ Lông mọc xồm xàm, tục kêu xù lặc;
- ⁷ Tánh hay ăn vật, lòng chẳng kiêng dè.
- Chỗ ở ăn hang lỗ nhiều bẽ,
- ⁸ Đường qua lại đào ra hai ngách.
- Nghe hơi động vội vàng chạy mất, tròn xuôi tròn ngược, nhát quá mẹ cheo;
- ⁹ Chờ đêm khuya sẽ lên túc nhau, bỏ dọc bỏ ngang, liền hơn cha khi,

- Gọi danh hiệu chuột xạ, chuột lặc, chuột xù, chuột công, anh em
dòng họ nhiều tên ;
- ¹⁰ Tra quán chỉ ở nhà, ở ruộng, ở rạch, ở ngòi, bậu bạn non sông
lắm lời.
- Lớn nhỏ rằng đều bốn cái, ăn của người thâm tối biết bao nhiêu ;
- ¹¹ Vắn dài râu mọc hai chia, vắng mặt chủ lung lảng đã lắm lúc.
- Vả sáu mươi giáp huê đứng trước, lẽ thì thiện tánh linh tâm ;
- ¹² Thì mười hai chi tuê ở đầu, cũng đáng cư nhờ do ngãi.
- Cớ sao lại đam lòng quí quái.
- ¹³ Cớ sao còn làm thói gian tham :
- Túi Đông-pha thường bữa tha gừng,
- ¹⁴ Ruộng Nam-quách ghe phen cần lúa.
- Nếp gạo của trời nuôi mạng, ăn phá rồi còn kéo xuống hang,
- ¹⁵ Nệm mền của chúng che thân, cần nát hết lại tha vào lỗ.
- Hoặc nằm ngửa cần đuôi tha trắng vệt, gây nên thẳng tắp chịu đòn oan ;
- ¹⁶ Hoặc leo dây ngóng cổ gặm giò heo, để án con đòi mang tiếng khò.
- Vậy cũng gọi mình hay ngũ kị,
- ¹⁷ Vậy cũng khoe ngôi trước tam tài.
- Chàng xét mình vô nuột dưới cầu,
- ¹⁸ Lại quen thói lẩn mò bên vách.
- Sách Lỗ-sử biên câu thực giặc, vì miệng ai cho nên vua lỗi đạo
thờ trời ;
- ¹⁹ Thơ Quốc-phong để chữ thực miêu, vì miệng ai cho nên dân xa
làng bỏ đất.
- Ghe phen trách quân hư áo lung, vì miệng ai cho nên chồng vợ
giận nhau ;
- ²⁰ Nhiều chỗ than vách gĩa thêm xiêu, vì miệng ai cho nên cha
con dứt bản.
- Nền xã tắc là nơi báo hổ, can chi mi đào lỗ đào hang,
- ²¹ Chôn miêu đường là chỗ thanh tân, có chi người cần mẫn cần sảo.
- Kẻ trịnh nữ ghét thẳng cường bạo, cũng còn mang cái tiếng
thứ dâm,
- ²² An long đồ tra đưa gian tà, hãy còn mắc cái câu thử thù.
- Gôi ngò chúa Nghiêu phu đã đền bề, khen cho quí quái chàng
chừa,
- ²³ Gậy phi long Linh kiệt đã tưng bừng, sao hãy yêu tình không
góm.

- Nham độn mười hai ngôi tướng, cho hay thần hậu thiết tướng
gian,
- ²⁴ Diễn cầm bốn bảy vì sao, phải biết hư nhưt là sao dữ.
- Sáu hiểm bày tâm lòng nghiệt thử, cục cút ra cũng nhon hai đầu,
- ²⁵ Báu xót chi manh áo thử cầu, tâm da lột không dấy ba tấc.
- Tuy là tướng hữu hi hữu chât,
- ²⁶ Thật là loài vô lễ vô nghi.
- Luận tội kia đã đáng phân thi,
- ²⁷ Thứ tay nọ cũng vì kiếng vật.
- Giận là giận trộm đầu bàn phạt, tròn án mà xưng vương.
- ²⁸ Cầm là cầm cần sách kẻ nhu, đánh lòng mà phá đạo.
- Ngao ngán bày cái thân chuột thú, biết ngày nào Ô-thước
phanh phui.
- ²⁹ Nực cười thay cái bụng chuột tham, uông bao thuở Huỳnh-hà
ráo cạn.
- Ví có ngàn dòng nước khảm, khôn bé rửa sạch tội đa dâm,
- ³⁰ Dầu cho muôn nén vàng-đoài, cũng khó mua riêng hình bắt xá.
- Tội đường ấy đã nên ác quá,
- ³¹ Ta tới đây há dễ nhiều dung.
- An tiện phong nây gĩa rần rông,
- ³² Phù hậu tập sai chim bà cắc.
- Sấm sừa binh sương giáp sắt, trau giới ngựa gió xe trắng.
- ³³ Gióng trông sấm xuất binh, phát cờ sao lập trận.
- Đuốc Diên-đơn sấm sẵn, để phòng khi un đốt ngách u vi,
- ³⁴ Đèn Lý-bạch đài tùy, dặng chờ thuở xét soi hang uất khúc.
- Các các chinh tế sĩ tốt, nghe lệnh thần theo tướng quân mèo,
- ³⁵ Hàng hàng bỏ liệt thương đao, nhập sào huyết phá hổ lỗ chuột.
- Phải nghe ta dặn : sấm sừa đủ đó :
- Cuộc xuống đào hang,
- ³⁶ Phàng mai chặn ngách.
- trả, trách, nói, niều rửa sạch, thượng kỳ phù địch khái chí tâm,
- ³⁷ Tiêu, hành, sả, ớt, muối dâm, thử dĩ tạ chúng nhon chi khẩu.
- Chớ để con gào sớ lậu, phải ra tay lập lỗ tam bành,
- ³⁸ Đứng cho chúng nó sảy ra, phải hết sức trừ đổ lục tặc.
- Bồn phương đều ngời chữ thắng bình,
- ³⁹ Thiên hạ cũng vui câu án đồ.

VĂN TẾ CON CỐC

Tự tập thêm đông cổ láng, thương ý thương mòng muối nhóm lao xao.

- ¹ Lem hem lêu bắc rêu tường, túi chạnh túi môi trùn bò lỗ xò.
- Sao đã tìm quê ở nơi mô,
- ² Sao lại bỏ chỗ ngồi còn đó.

Nhớ cóc xưa :

- ³ Thỏ giông thêm thừ, bình in mạnh hổ.
- Hai tay chông đất, dọc ngang ao giếng cũng đua bơi,
- ⁴ Nửa mặt dóm trời, cao thấp núi non đều nháy bộ.
- Tên người kêu hai thê, có bạc có vàng,
- ⁵ Áo mình bận một màu, không đen không đỏ.
- Lêu chàng Nhan, chòm nhóm bên nôi,
- ⁶ Bếp họ Phạm, xom rom lồi chỗ.
- Trận mưa bạch đàn, khi thì ngồi chồm hòm dưới râm.
- ⁷ Cơn gió huỳnh hôn, khi thì xập chè he ngoài ngõ.
- Nghiên rằng hém xóm kiên, cay đắng đã mềm một lá gan,
- ⁸ Phùng má giận bấy rùi, gai gộc nào êm hai gáy cổ.
- Sù sì da những ghê, gôi lại dùi,
- ⁹ Trì trộm mắt còn trong, tai hấy tỏ.
- Bối thời, bối vận, bối mạng, da phải về nậu ung xỉ phoir,
- ¹⁰ Vì sô, vì hệ, vì trời, gan lại bị đoàn cam tích mỡ.

Ôi !

- ¹¹ Tươi thoát nên khô, béo đà hóa vò.
- ¹² Sương dấm dề ở môi hang chôn, mưa dổi dả đồng rơm bụi cỏ.
- Nước chảy trì đường róc róc, động lòng ương, ương rầu, ương khốc om sòm,
- ¹³ Gió đưa li xá hiu hiu, hém dạ nhái, nhái túi, nhái ngôi xo rỏ.
- Thêm đông man mác, êch than rằng : bối vì ai nên dứt nghĩa bà con ;
- ¹⁴ Đông loạn mịt mù, hiều chạnh túi, bối vì ai nên dứt niềm mây mờ.
- Môn sâu héo dọt, cám phôi loét xót xáy chôn ô nê,
- ¹⁵ Ráy ừ tàn bông, thương hài cốt trần truồng nơi vỏ lộ.
- Ngồi trót đời chíp miệng, cóc khô. cóc chẳng thấy giàu,
- ¹⁶ Nằm một giấc phui tay, cóc rác cóc đà hết khó.

Hỡi ôi ! tiếc thay !

VĂN TẾ BẦU RƯỢU

Gió mây sương móc dưới chín tầng, đầu chẳng màn trời,
¹ Nước lửa vàng cây trong bốn biển, đầu không bậu bạn.

Nhớ bầu xưa !

- ² Huê cô bà con, rầy vòng quê quán :
- Thuở bé túi tốt tươi đường liễu lục, đơm bông đơm trái. mắt túy ông dóm giò đòi con,
- ³ Khi lớn khôn chuôm chim tơ đào thơ, vò cổ vò đầu, tay bỏ chủ nưng niêu đòi đoạn.
- Bò dưới đất, lảng diếng vai dưới, chằm bện lá lành lá rách, đưa chuột với dưa gang,
- ⁴ Leo lên giàn, bạn tác bực trên, hăm hiều bữa sớm bữa trưa, đậu rổng cùng đậu vàng.
- ⁵ Vay vò chẳng tiếng thị phi, dài vắn không lời ân oán !
- Mừng quốc trị thái bình hành lạc, bạn ca công vui bực tài tình ;
- ⁶ Khi thiên thời hàn nhiệt bất kỳ, theo y sĩ cứu người tật nạn.
- Nơi tấu diêm hém sôi rượu nóng, ráng công cùng thiếu nữ, chỉ sồn than lửa lúc ra tro,
- ⁷ Chôn chiến trường cờ phất trông rung, hết sức với Đào công, hăng giúp thiên oai khi tông đạn.
- Trước giận Trụ, chứa một ao ngư tử, nên đành lòng tới rước quân Châu ;
- ⁸ Sau giận Tần, lung sáu nước kinh thân, phải trở dạ về theo vua Hán.
- Những tướng dù tân dù lão, như mùi cương quế, ước thân thê hỡi còn lâu,
- ⁹ Nào hay cứ xuất cử một, như cái phù du, thương bậu trần duyên đã mất.
- Nơi Trại Cù đời chơn giờ sừ, chi đó nặng nề mây chút, cắt nhẹ thương quây xách bầu theo,
- ¹⁰ Giống Cao-man quây gót giờ thìn, thương ôi cách trở một giây, nghe cái địch nước trôi bầu cạn.

Ôi !

- ¹¹ Gió thổi lẻ viên, sương trùn lan hoàn.
- Ngậm ngùi bằng lảng khúc tranh,
- ¹² Dầu dả sáu nghe tiếng quán.

Hay là đôi phong lưu họ Lý, vui ngâm thơ thưởng nguyệt cho nhàn.

¹³ Hay là theo thú vị ông Nhan, ưng lạc đạo ưu bản chẳng quản.
Nghĩa đồng tánh là bầu sao, bầu thúng, nghe bầu tan rơi lụy song linh,

¹⁴ Tình tương thân là bí rợ. bí đao, nghe bầu vờ phân trường cứu đoạn.

Tiệc ý tiệc, ngày xuân tiệc ngọc, măn đường tân khách, bậu đỡ qua giữ việc khuyên mời ;

¹⁵ Thương là thương, vạ lý quan san, khi lên ải xuống đèo, qua có bậu đỡ lòng ngao ngán.

Hai quai còn đó, ai gồng ai gánh bậu đi đâu, cho qua bữa uông hằng trông,

¹⁶ Một tội còn đây, ai quảy ai mang bậu đi đâu, cho qua bữa ăn hằng ghen.

Ngó ông đồng nóng ruột bị ai,

¹⁷ Thầy bình tích đau lòng ta thán.

Nhớ khi đứng đầu táng, ngôi đầu tháp, mọi mắt trông mừng tượng hình dung,

¹⁸ Tưởng khi thêu bức gấm vẽ bức tranh, đau lòng tiếc chùng khi thường ngoạn.

Kể từ bậu xa xuôi khách địa, bầu tiên ông khoái lạc trung thiên,

¹⁹ Lại từ đây sạch hết trần duyên, bầu thể giải thanh nhàn ngoại hạn.

Đưa ba hàng gọi có ước xưa,

²⁰ Thông chín suối đừng ai ngăn cản.

Hỡi ôi ! Thương thay !

VĂN TÊ VONG HÓN MỘ NGHĨA

Tự đức thập tứ niên, thập nhứt ngoạt, thập ngũ ngựt chi dạ, thông quán (Bùi-quang-Mổ) suất tương nghĩa binh tự Cán-giộc công phá dương huyện, thiêu đặc dương di đạo đường, đạo quán, thích trúng dương quan tri huyện, tịnh Chà-và Maní đảng, nghĩa binh trận vong, cai thập ngũ danh, kỷ tú tài Nguyễn-dinh-Chiều ; phụ tê văn :

Sùng giặc dật rên, lòng dân trời tỏ : Mười năm công võ ruộng,
xưa ắt còn danh nổi như phao.

Một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mò.

Nhớ linh xưa !

Cui cút làm ăn, riêng lo nghèo khó :

Chưa quen cung ngựa, đua tới trường nhung,

Chín biêt ruộng trâu, ở theo làng hộ.

Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm ;

Tập khiên, tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

Tiếng phong hạc phập phồng hơn mười tháng, trông tin quan
như trời hạn trông mưa ;

Mùi tinh chiên vấy vá đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông
ghét cỏ.

Bữa thầy bông bong che trắng lốp, muốn tới ăn gan ;

Ngày xem ông khôi chạy đèn si, muốn ra cắn cỏ.

Một môi xa thơ đồ sộ, há để ai chém rấn đuôi hươu,

Hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê bán chó.

Nào đợi ai đòi ai bắt, phen nầy xin ra sức đoạn kình,

Chẳng thêm tròn ngược tròn xuôi, chuyên nầy dộc ra tay bộ hổ.

Khá thương thay !

Vốn chẳng phải quân cơ, quân vệ, theo dòng ở lính diễn
binh,

Chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ.

Mười tám bang võ nghệ, nào đợi tập rèn ;

Chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.

Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tâu, bầu ngói ;

Trong tay cầm một ngọn lăm vông, chỉ nài sắm dao tu, nón gõ.

Hoa mai đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia ;

Gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém đặng đầu
quan hai họ.

Chỉ nhọc quan quân giống trông kỳ, trông giục, đập rào lướt
tới coi giặc cũng như không ;

Nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào liều
mình như chẳng có.

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho Ma-tà, Ma-ni
hồn kinh ;

Bọn hè trước, lũ ó sau, trời kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

Những lăm lòng nghĩa sau dùng, đâu biết xác phàm vội bỏ !

Một chắc sa trường rằng chữ hạnh, nào hay yên ngựa chờ thầy ;

Trăm năm âm phủ ây chữ qui, nào đợi gươm hùm treo mộ.

Đoái sông Cấn-giộc, cỏ cây mây dậm sáu giảng ;

Nhìn chợ Trường-bình, già trẻ hai hàng lụy nhỏ.

Chẳng phải án cướp, án gian đầy tới, mà vì binh đánh giặc
cho cam tâm ;

Vòn không giữ thành, giữ bảo bỏ đi, mà hiệu lực theo quân
cho đáng số.

Những nghĩ rằng : tác đất ngọn rau ơn chúa, tái bồi cho nước
nhà ta ;

Bát cơm, manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.

Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương ;

Vì ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió.

Sông làm chi theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc,
thây lại thêm buồn ;

Sông làm chi ở lính Ma-tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì. nghe
càng thêm hổ.

Thả thác mà đặt câu dịch khái, về theo tổ phụ cũng vinh ;

Chẳng thà còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với Man-gi rất khổ.

Ôi thôi thôi !

Chùa lão Ngộ năm canh ưng đóng lạnh, tâm lòng son gởi lại
bóng trầm rằm ;

Đồn Tây-dương một khắc đặt trà hờn, túi phận bạc trôi theo
dòng nước đỏ.

Đau đớn bây mẹ già trông con trẻ, ngọn đèn khuya leo lét
trong lều ;

Nào nóng thay vợ yêu chạy tìm chồng, con bóng xế dật dờ
trước ngõ.

Ôi ! Một trận khói tan ; ngàn năm tiệt rõ.

Binh tướng nó hãy đóng sông Bến ghé, làm cho bên phía
mây đen ;

Ông cha ta còn ở đất Đông-nai, ai cứu đặt một phương con đó.

Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng
đều khen ;

Thác mà ưng đình miếu để thờ, tiếng hay trải muôn đời ai
cũng mộ.

Sông đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ
binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia ;

Sông thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã đành rành, một
chữ âm dù đến công đó.

Nước mắt anh hùng lau chẳng ráo, thương vì hai chữ Thiên dân ;

Cây hương nghĩa sĩ thấp thêm thơm, cảm bởi một câu vương thổ.

Hỡi ôi ! có linh xin hương :

CHUNG.



MỤC LỤC

	Trang.
Ca trù thể cách.....	4
Thơ ngũ canh.....	12
Thơ ngũ canh xưa.....	13
Thơ bá gia.....	15
Tân cung oán.....	22
Văn tiến quân.....	25
Văn thủ khoa Ngải tề vợ.....	28
Văn cha mẹ tề con gái.....	30
Thảo thứ hịch.....	31
Văn tề con cóc.....	34
Văn tề bầu rượu.....	35
Văn tề vong hồn mộ nghĩa.....	36